

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Nhiếp;

Ông Võ Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Ngọc L, sinh năm 1981 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Ngọc L trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà L, ông K có thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2003, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống ai lo phận nấy, không ai quan tâm đến ai nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã gây mất hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Trong thời gian ly thân bà L sống tại nhà chung của vợ chồng ở ấp H, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau, còn ông K thì ra ngoài sống riêng nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc K.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên
- + Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2004 (nam);
- + Nguyễn Diễm Á, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2010 (nữ).

Hiện nay các người con đang sống với bà L. Khi ly hôn, bà L và ông K tự thỏa thuận việc nuôi con và việc cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 13 tháng 6 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - ông Nguyễn Quốc K trình bày:

- Về hôn nhân: Như lời trình bày của bà L là đúng, sau thời gian tìm hiểu thì ông K, bà L kết hôn vào năm 2003, hôn nhân không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra nhưng không lớn, hiện tại vợ chồng vẫn chung sống chứ không ly thân. Ông K chỉ đi làm từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Ông K vẫn còn tình cảm với bà L, hai người con còn nhỏ nếu ly hôn sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con nên ông không đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con chung, các cháu tên
- + Nguyễn Thiện N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2004 (nam);
- + Nguyễn Diễm Á, sinh ngày 25 tháng 02 năm 2010 (nữ).

Các người con hiện nay đang sống với bà L. Do không đồng ý ly hôn nên về con chung ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn ông K và bà L tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Ông K tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà L vẫn bảo lưu quan điểm nêu trên, cương quyết yêu cầu ly hôn với ông K; tự thỏa thuận việc nuôi con và việc cấp dưỡng cho con, về tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông K đồng ý ly hôn vì xét thấy nếu hàn gắn cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai, về việc nuôi con chung, việc cấp dưỡng cho con, về tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tại đơn khởi kiện (V/v xin ly hôn) ngày 02 tháng 5 năm 2018, bà L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc K, về phần con chung giữa bà L và ông K tự thỏa thuận việc nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu Tòa

án giải quyết. Việc bà L yêu cầu ly hôn với ông K là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; ông K cư trú tại ấp H, xã H, huyện N nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nội dung vụ án

Về hôn nhân: Bà L, ông K có thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2003, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống ai lo phận nấy, không ai quan tâm đến ai nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Quốc K, ông K đồng ý ly hôn vì nếu hàn gắn cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông K, việc bà L và ông K chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Ngọc L và ông Nguyễn Quốc K.

Về nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, bà được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Ngọc L và ông Nguyễn Quốc K.

- Về nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà Đỗ Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), bà L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015922 ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền